

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHONG ĐIỀN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **61** /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01-6-2021

V/v Ly hôn giữa bà Lê Thị Thu T  
với ông Phạm Bá Đ

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Trường.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hòa.

2. Ông Nguyễn Quang Thận.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 112/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021; Thông báo thay đổi thời gian xét xử ngày 10 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn P, huyện PD, tỉnh Thừa Thiên Huế; *có mặt.*

**- Bị đơn:** Ông Phạm Bá Đ, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn PD, huyện PD, tỉnh Thừa Thiên Huế; *có mặt.*

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Ngân hàng C - Phòng giao dịch huyện Phong Điền thuộc Chi nhánh Ngân hàng C tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Văn T, chức vụ và nơi làm việc: Phó Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện Phong Điền; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 05-01-2021); *có mặt.*

2. Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hồ Kỳ P, chức vụ và nơi làm việc: Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng N huyện Phong Điền; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 05-02-2021); có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện đề ngày 10-11-2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Lê Thị Thu T trình bày:*

Bà và ông Phạm Bá Đ chung sống với nhau, tự nguyện đăng ký kết hôn năm 1995 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở chung với bố mẹ chồng đến năm 2002 thì làm nhà ở riêng. Ông Đ công tác tại Công ty Xây dựng Thủy lợi T nhưng đến năm 2005 nghỉ việc, làm nghề xây dựng tự do. Bà làm nghề may gia công tại nhà. Vợ chồng đã có hai người con chung. Trước đây, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là ông Đ không chia sẻ, đóng góp kinh tế phục vụ chi tiêu gia đình, vay mượn bên ngoài dẫn đến bà phải trả nợ, hay uống rượu bia rồi về nhà xúc phạm vợ con. Bà và các con nhiều lần góp ý, động viên nhưng không khắc phục nên bà phải chuyển đến ở nhà người thân. Vợ chồng không chung sống từ tháng 10-2020 đến nay. Sau khi bà nộp đơn ly hôn, ông Đ nói mong muốn hàn gắn nhưng vẫn tiếp tục uống rượu bia rồi đến nhà mẹ đẻ của bà để gây gỗ, đe dọa. Tình trạng kéo dài, bà không còn tình cảm với ông Đ nên yêu cầu giải quyết cho ly hôn.

Về con: Vợ chồng có hai con chung là anh Phạm Bá M, sinh ngày 27-01-1997 và chị Phạm Thị Minh T, sinh ngày 18-12-2001. Cả hai con đều đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Về tài sản: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Vợ chồng có vay tại Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Phong Điền theo Hợp đồng tín dụng ngày 06-3-2018 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng ngày 19-3-2020 số tiền 100.000.000 đồng, hiện còn nợ gốc 93.032.075 đồng; vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Phong Điền gồm Chương trình cho vay H từ năm 2015 và Chương trình cho vay N vào năm 2018, hiện còn nợ gốc tổng cộng là 103.500.0000 đồng.

Bà đề nghị xác nhận các khoản vay trên là nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng để cả hai tiếp tục trả nợ cho các ngân hàng theo hợp đồng; nếu ông Đ không thực hiện thì bà nhận trả nợ cho các ngân hàng đến khi hết nợ.

*Tại Bản tự khai đề ngày 28-12-2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là ông Phạm Bá Đ trình bày:*

Ông với bà Lê Thị Thu T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn năm 1995 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Điều kiện sinh sống, nghề nghiệp và việc làm như bà T trình bày là đúng. Trước đây, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, đã có hai người con chung. Mâu thuẫn giữa vợ chồng mà bà T trình bày chỉ mới phát sinh sau này. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn thì mỗi người đều có phần trách nhiệm; bà T không chia sẻ, thống nhất với ông trong việc định hướng học tập, việc làm khi cháu Phạm Bá M chuẩn bị ra

trường; có quan hệ với bạn bè không tốt. Việc ông có uống rượu bia, đến nhà mẹ vợ gây gổ như bà T trình bày là do việc làm ăn gặp khó khăn, bức xúc việc chi tiêu kinh phí trong gia đình không kiểm chế được. Sau khi bà T nộp đơn ly hôn, ông tìm cách liên hệ để trao đổi, giải quyết tình cảm vợ chồng nhưng bà T không hợp tác. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chưa quá trầm trọng; nếu có sự chia sẻ thì vẫn có thể hàn gắn được. Ông không đồng ý yêu cầu ly hôn của bà T.

Về con: Nếu ly hôn, ông đồng ý không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng do cả hai con đều đã thành niên, có đủ sức khỏe và khả năng lao động.

Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Ông đồng ý không yêu cầu giải quyết tài sản. Ông thừa nhận vợ chồng có giao dịch vay tại Chi nhánh Ngân hàng N và Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Phong Điền như bà T trình bày. Các khoản vay trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, là nghĩa vụ chung của vợ chồng; ông nhận trách nhiệm cùng với bà Tịnh trả nợ cho ngân hàng.

*Tại Văn bản ngày 08-01-2021 của Ngân hàng C, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp là ông Lê Văn T trình bày:*

Bà Lê Thị Thu T và ông Phạm Bá Đ có vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Phong Điền gồm Chương trình cho vay H từ ngày 10-11-2015, hạn trả nợ ngày 09-8-2024, còn nợ gốc 53.500.000 đồng; Chương trình cho vay N ngày 19-9-2018, hạn trả nợ 19-9-2021, còn nợ gốc 50.000.000 đồng; tổng cộng là 103.500.000 đồng.

Ngân hàng không có yêu cầu độc lập, đề nghị ghi nhận nghĩa vụ chung; trường hợp vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng sẽ áp dụng biện pháp thu hồi nợ theo hợp đồng hoặc khởi kiện theo pháp luật.

*Tại Văn bản ngày 10-01-2021 của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Phong Điền, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp là ông Hồ Kỳ P trình bày:*

Theo Hợp đồng tín dụng số xxxx ngày 06-3-2018, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng ngày 19-3-2020 và tài liệu liên quan khoản vay thì bà Lê Thị Thu T và ông Phạm Bá Đ có vay tại Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Phong Điền số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng kể từ ngày 19-3-2020, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng 10,5%/năm, có cam kết bảo đảm bằng hình thức giữ hộ giấy tờ về tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bản cam kết bảo đảm bằng tài sản có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn P; dư nợ tính đến ngày 10-01-2021 là 93.032.075 đồng. Trong thời gian Tòa án giải quyết việc ly hôn, bên vay vẫn trả nợ đúng hạn; tính đến ngày 01-6-2021 nợ gốc còn lại là 76.743.878 đồng.

Khoản vay trên chưa đến hạn, bên vay vẫn thực hiện trả nợ đúng thỏa thuận của hợp đồng. Do đó, Ngân hàng không có yêu cầu độc lập; đề nghị ghi nhận nghĩa vụ chung khi ly hôn; khi có vi phạm nghĩa vụ thì Ngân hàng sẽ áp dụng biện pháp xử lý theo thỏa thuận tại hợp đồng hoặc khởi kiện theo quy định.

Tại phiên họp ngày 26-02-2021, các bên thống nhất không yêu cầu giải quyết người trực tiếp nuôi con và chia tài sản, ghi nhận nghĩa vụ chung về tài sản đối với các khoản nợ nêu trên; không thống nhất giải quyết quan hệ vợ chồng.

Các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ngày 13-4-2021, ông Phạm Bá Đ có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 20-4-2021 nên Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên tòa, ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 18-5-2021 nhưng do ảnh hưởng của dịch COVID-19 thuộc trường hợp trở ngại khách quan nên Tòa án thay đổi thời gian xét xử vụ án vào ngày 01-6-2021.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Bà Lê Thị Thu T và ông Phạm Bá Đ kết hôn hợp pháp, đã có hai con người con chung là Phạm Bá M, sinh năm 1997 và chị Phạm Thị Minh T, sinh năm 2001. Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để xử chấp nhận cho bà T được ly hôn ông Đ; về con đã thành niên nên không giải quyết và tài sản không có yêu cầu nên không giải quyết; ghi nhận nghĩa vụ chung của vợ chồng đối với khoản vay của Ngân hàng N và Phòng giao dịch Ngân hàng C.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn là ông Phạm Bá Đ có địa chỉ cư trú tại thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thu T và ông Phạm Bá Đ kết hôn có đăng ký, được Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 21/1995, ngày 18-5-1995. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Vì vậy, Hội đồng xét xử kết luận quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu ly hôn: Trên cơ sở yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Thu T, ý kiến của ông Phạm Bá Đ; kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ về nguyên nhân mâu thuẫn và nguyện vọng của vợ chồng, thấy rằng:

Bà T và ông Đ đều thừa nhận giữa vợ chồng có mâu thuẫn và đã không chung sống với nhau từ tháng 10-2020 đến nay nhưng không thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn. Lời khai và tại phiên tòa cho thấy giữa vợ, chồng bất đồng, không chia sẻ với nhau trong quản lý kinh tế, chi tiêu gia đình và việc giáo dục, định hướng việc làm cho con. Tình trạng kéo dài nhưng không trao đổi với nhau để giải quyết trên cơ sở bình đẳng về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm thương yêu giữa các thành viên trong gia đình. Sau khi bà T yêu cầu ly hôn, ông Đ có nguyện vọng đoàn tụ nhưng không có giải pháp hàn gắn, kể cả sau khi được Tòa án hòa giải, động viên nhưng ông Đ vẫn còn sử dụng rượu bia, gây gổ ở nhà người thân của bà T, làm cho mâu thuẫn sâu sắc hơn.

Chứng tỏ, vợ chồng đã không có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu cho bà T ly hôn. Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở.

[4] Về con: Xét thấy cả hai con chung của vợ chồng là Phạm Bá M, sinh năm 1997 và Phạm Thị Minh T, sinh năm 2001 đều đã thành niên, không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động nên vợ chồng không yêu cầu giải quyết người trực tiếp nuôi con là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản: Đương sự không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[6] Về nghĩa vụ về tài sản: Bà Lê Thị Thu T đề nghị xác nhận nghĩa vụ chung của vợ chồng đối với giao dịch vay tiền tại Phòng giao dịch Ngân hàng C gồm Chương trình cho vay H từ năm 2015 và Chương trình cho vay N vào năm 2018 và Hợp đồng tín dụng ngày 06-3-2018, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng ngày 19-3-2020 tại Chi nhánh Ngân hàng N.

Ông Phạm Bá Đ thừa nhận các giao dịch trên đều phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, là nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đưa các ngân hàng tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phổ biến quy định về phân chia tài sản, nghĩa vụ về tài sản nhưng bà T và ông Đ không yêu cầu chia tài sản; các ngân hàng là người thứ ba có quyền đối với nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng đã có văn bản trình bày ý kiến và tại phiên họp xác nhận khoản nợ chưa đến hạn, bên vay vẫn thực hiện đúng nghĩa vụ theo hợp đồng nên không có yêu cầu độc lập, đề nghị xác nhận nghĩa vụ chung, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết theo thỏa thuận của hợp đồng và pháp luật dân sự. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của các ngân hàng giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Do đó, theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự; khoản 1 Điều 60 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Quyền, nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng đối với người thứ ba vẫn có hiệu lực sau khi ly hôn, trừ trường hợp vợ chồng và người thứ ba có thỏa*

*thuận khác*” và khoản 3 Điều 7 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không giải quyết việc phân chia nghĩa vụ trả nợ, chỉ ghi nhận bà T và ông Đ có nghĩa vụ chung về tài sản với các khoản nợ nêu trên và có nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng, giao dịch cho các ngân hàng; trường hợp có tranh chấp về nghĩa vụ trả nợ hoặc hậu quả phát sinh liên quan hợp đồng, giao dịch thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Buộc nguyên đơn chịu án phí ly hôn theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 60 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 3 Điều 7 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình,

Tuyên xử:

**1. Về hôn nhân:** Cho ly hôn giữa bà Lê Thị Thu T với ông Phạm Bá Đ; quan hệ vợ chồng chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

**2. Về con:** Vợ chồng có hai người con chung là Phạm Bá M và Phạm Thị Minh T đều đã thành niên, không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động nên không giải quyết người trực tiếp nuôi con.

**3. Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản:**

- Vợ chồng không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản.

- Ghi nhận khoản nợ của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Hợp đồng tín dụng ngày 06-3-2018, Văn bản sửa đổi, bổ

sung hợp đồng ngày 19-3-2020 tính đến ngày 01-6-2021 dư nợ gốc 76.743.878 đồng và các khoản nợ của Ngân hàng C vay tại Phòng giao dịch huyện Phong Điền thuộc Chi nhánh Ngân hàng C tỉnh Thừa Thiên Huế gồm Chương trình cho vay H ngày 10-11-2015 còn nợ gốc 53.500.000 đồng; Chương trình cho vay N ngày 19-9-2018 còn nợ gốc 50.000.000 đồng là nghĩa vụ chung về tài sản của bà Lê Thị Thu T và ông Phạm Bá Đ. Bà T và ông Đ có nghĩa vụ trả nợ cho các ngân hàng theo thỏa thuận của hợp đồng, giao dịch; trường hợp tranh chấp thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

**4. Về án phí:** Bà Lê Thị Thu T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số: AA/2016/00xxxx ngày 25-11-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; bà T đã nộp đủ án phí.

**5. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- CCTHADS huyện Phong Điền;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HNGĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trần Văn Trường**